

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số:03/2023/KDTM-ST

Ngày: 04-8-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Lược

2. Ông Vũ Văn Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 02/2023/TLST- KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXXST- KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người được ủy quyền: Ông Trần Trung K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ (vắng mặt)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tuấn L- Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đ(có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH Q (gọi tắt là Công ty Q)

Địa chỉ: khu phố 6, phường L, thị xã Bì, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị L- Giám đốc C (vắng mặt)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê D- sinh năm 1974

2/ Bà Lê Thị B- sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, Phường Ba Đ, thị xã B, tỉnh T (đều vắng mặt)

3/ Công ty TNHH Lâm Hà Q

Địa chỉ: Số nhà 29, khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh T
Người đại diện: Bà Lê Thị B- Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Khu phố 4, Phường B, thị xã B, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 đại diện nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH Quang V đang có quan hệ tín dụng với BIDV B thông qua Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2018/2335063/HĐTD ngày 04/12/2018 “HĐTD hạn mức”, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2018/2335063/HĐTD ngày 04/12/2018, số tiền cho vay tối đa: 20.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng). Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, từ ngày 04/12/2018 đến ngày 04/12/2019; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Lãi suất vay: Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, bảo lãnh, L/C được phát hành; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Hình thức trả gốc, lãi: Gốc được trả một lần vào cuối kỳ theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi vay trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

- Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng trên là:

+ Thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 876947 do UBND thị xã B cấp ngày 23/01/2019) của Ông Lê D cùng vợ là bà Lê Thị B tại Khu phố 4, Phường B, thị xã B, tỉnh T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2019/2335063/HĐBĐ ngày 25/01/2019 được ký kết giữa bên bảo đảm là ông Lê D cùng vợ là bà Lê Thị B với bên nhận bảo đảm là Ngân hàng BIDV (Đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng: Chi nhánh B) và các văn bản sửa đổi hợp đồng bổ sung (nếu có).

+ Thế chấp tài sản là Xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, BKS 36C- 056.48 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009084 do CA Thanh Hóa cấp ngày 27/03/2015) của Công ty TNHH Lâm H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2018/2335063/ HĐBĐ ngày 04/12/2018 được ký kết giữa bên bảo đảm là Công ty TNHH Lâm Hà Q với bên nhận bảo đảm là Ngân hàng BIDV (Đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng: Chi nhánh Bim Sơn) và các văn bản sửa đổi hợp đồng bổ sung (nếu có).

+ Thế chấp tài sản là Xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA, BKS 36A- 285.31 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045687 do CA Thanh Hóa cấp ngày 11/11/2017) của Công ty TNHH Lâm Hà Quỳnh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/2335063/HĐBĐ ngày 25/01/2019 được ký kết giữa bên bảo đảm là Công ty TNHH Lâm H với bên nhận bảo đảm là Ngân hàng BIDV (Đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng: Chi nhánh Bim Sơn) và các văn bản sửa đổi hợp đồng bổ sung (nếu có).

Tổng dư nợ có tài sản bảo đảm của Công ty Q đến thời điểm hết ngày 11/01/2023 là: 5.032.995.379 đồng, cụ thể như sau: Dư nợ gốc: 2.565.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.694.519.287 đồng; nợ quá hạn: 773.476.092 đồng. Tổng cộng dư nợ 5.032.995.379

đồng.

Ngày 06/06/2019, Công ty Q vi phạm nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2018/2335063/HĐTD ngày 04/12/2018 và các hợp đồng tín dụng cụ thể đã ký.

Sau khi khoản vay quá hạn Chi nhánh B đã gửi “Thông báo nợ quá hạn” đến Công ty Quang Vinh, đồng thời Chi nhánh B cũng đã tiến hành nhiều buổi làm việc trực tiếp với Công ty Q về việc giải quyết khoản nợ quá hạn trên, hỗ trợ, tạo điều kiện cho Công ty Q trả nợ. Về phía Công ty Q cũng đã nhiều lần cam kết với Ngân hàng về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng thực tế không thực hiện theo đúng cam kết.

Vì vậy, đề nghị Tòa án buộc Công ty Q phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và khoản tiền lãi (trong hạn, quá hạn) có tài sản bảo đảm phát sinh tính đến hết ngày 11/01/2023 cho Ngân hàng BIDV (đại diện là Chi nhánh B), theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2018/2335063/HĐTD ngày 04/12/2018 cụ thể như sau: Dư nợ gốc: 2.565.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.694.519.287 đồng; nợ quá hạn: 773.476.092 đồng. Tổng cộng dư nợ 5.032.995.379 đồng.

+ Và Lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2018/2335063/HĐTD ngày 04/12/2018 cho đến thời điểm Công ty Q trả hết nợ vay.

+ Thanh toán toàn bộ chi phí tố tụng theo thực tế chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và thi hành án.

- Trường hợp Công ty Q không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng BIDV và các bên bảo đảm để thu nợ, cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 876947 do UBND thị xã Bỉm Sơn cấp ngày 23/01/2019) của Ông Lê D cùng vợ là bà Lê Thị B tại Khu phố 4, Phường B, thị xã B, tỉnh T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2019/2335063/HĐBĐ ngày 25/01/2019 được ký kết giữa bên bảo đảm là ông Lê D cùng vợ là bà Lê Thị B với bên nhận bảo đảm là Ngân hàng BIDV và các văn bản sửa đổi hợp đồng bổ sung (nếu có).

+ Xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG, BKS 36C- 056.48 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009084 do CA Thanh Hóa cấp ngày 27/03/2015) của Công ty TNHH Lâm Hà Quỳnh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2018/2335063/HĐBĐ ngày 04/12/2018 được ký kết giữa bên bảo đảm là Công ty TNHH Lâm Hà Q với bên nhận bảo đảm là Ngân hàng BIDV và các văn bản sửa đổi hợp đồng bổ sung (nếu có).

+ Xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA, BKS 36A- 285.31 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 045687 do CA Thanh Hóa cấp ngày 11/11/2017) của Công ty TNHH Lâm Hà Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/2335063/HĐBĐ ngày 25/01/2019 được ký kết giữa bên bảo đảm là Công ty TNHH Lâm Hà Q với bên nhận bảo đảm là Ngân hàng

BIDV và các văn bản sửa đổi hợp đồng bổ sung (nếu có).

Trong trường hợp phát mãi tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên mà chưa thu hết nợ cho Ngân hàng bao gồm: gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh đến thời điểm trả hết nợ. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên tất cả các tài sản và nguồn thu nhập khác của Công ty Q để thu hồi đầy đủ nghĩa vụ nợ vay.

** Đại diện phía bị đơn bà Lê Thị L giám đốc Công ty Q trình bày:* Tài sản Công ty Q vay Ngân hàng BIDV là 6 tài sản với tổng số tiền là 6.615.000.000đ, với tinh thần hợp tác từ năm 2020 đến nay công ty đã trả cho Ngân hàng BIDV số tiền 5.050.000.000đ và lấy 3 tài sản ra, còn lại 3 tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Lê D cùng vợ là bà Lê Thị B; xe ô tô tải tự đổ BKS 36C- 05648; xe ô tô con BKS 36A- 28531.

Trong quá trình điều tra vụ án kéo dài từ năm 2019- 2022 Ngân hàng BIDV Bim Sơn không cung cấp giấy tờ cho xe của công ty lưu thông trên đường nên tất cả các xe đó không hoạt động được, bên cạnh đó Ngân hàng báo nợ xấu lên hệ thống làm công ty không vay vốn được ở tất cả các Ngân hàng gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, công ty không có tiền để trả nợ cho Khánh hàng. Vì vậy 2 chiếc xe BKS 36C- 05648; BKS 36A- 28531 khách đã lấy để trừ nợ.

Còn 1 cái nhà của ông Lê D cùng vợ là bà Lê Thị B công ty xin trả nợ cho Ngân hàng BIDV nhưng ngân hàng không cho công ty đàm phán để giải quyết trả cho bên thứ 3.

Nay công ty không chấp nhận trả các khoản nợ lãi trong hạn và quá hạn mà Ngân hàng BIDV Bim Sơn đã thông báo, công ty chỉ chấp nhận trả tiền gốc đã nhận của Ngân hàng số tiền 2.565.000.000đ.

** Tại bản tự khai bà Lê Thị B trình bày:* Năm 2018 vợ chồng bà cho Công ty Q mượn sổ đỏ để thế chấp vay Ngân hàng đầu tư. Số tiền vay 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên ông Lê D và Lê Thị B tại khu phố 4, phường B, thị xã B. Nay ngân hàng yêu cầu Công ty Q trả nợ số tiền trên, nếu không trả được thì xử lý tài sản của vợ chồng bà. Vì vậy, vợ chồng bà đề nghị Công ty Q trả tiền cho Ngân hàng để Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà.

** Tại bản tự khai ngày 06/3/2023 ông Lê D trình bày:* Năm 2018 vợ chồng ông có cho Công ty Q mượn sổ đỏ nhà để thế chấp vay Ngân hàng đầu tư số tiền vay 2.000.000.000đ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên Lê D và Lê Thị B, tại khu phố 4, phường B, thị xã B. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty Q trả nợ số tiền trên nếu không trả được thì xử lý tài sản của vợ chồng ông. Vì vậy, ông đề nghị Công ty Q trả tiền cho Ngân hàng để Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

Quá trình giải quyết vụ án đại diện ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.565.000.000đ và các tài sản thế chấp gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số CM 876947 do UBND thị xã Bim Sơn cấp ngày 23/01/2019) của Ông Lê Dũng cùng vợ là bà Lê Thị B tại Khu phố 4, Phường B, thị xã B, tỉnh T.

+ Giấy chứng nhận xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu CHENGLONG số 009084 do CA Thanh Hóa cấp ngày 27/03/2015, BKS 36C- 056.48 chủ sở hữu là Công ty TNHH Lâm Hà Q.

+ Chứng nhận đăng ký xe ô tô con hiệu Mazda số 045687 do CA Thanh Hóa cấp ngày 11/11/2017, BKS 36A- 285.31, chủ sở hữu là Công ty TNHH Lâm Hà Q

Tại buổi hòa giải ngày 22/6/2023 vắng mặt ông D, bà B, các đương sự thống nhất hòa giải vắng mặt ông D, bà B.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty Quang V thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại tính đến ngày xét xử là: 2.306.691.332 đồng (trong đó nợ gốc: 0 đồng; lãi 1.579.124.955đ; phí phạt: 727.566.377đ).

Trường hợp Công ty Q không trả được nợ Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên tất cả các tài sản và nguồn thu nhập khác của Công ty Q để thu hồi đầy đủ nghĩa vụ nợ vay.

Ngoài số tiền gốc 2.565.000.000 đồng theo đơn khởi kiện, phía Công ty Q còn dư nợ BIDV Bim Sơn số tiền 12.385.000.000 đ theo bản án số: 77/2021/HSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T, do đó phía Công ty Q nộp số tiền 3.050.000.000 đồng vào thì BIDV B trừ số tiền gốc 2.565.000.000 đồng, số tiền còn lại thì trừ vào dư nợ gốc của khoản nợ 12.385.000.000đ. BIDV yêu cầu Tòa án buộc Công ty Q phải thanh toán đầy đủ số tiền còn lại là 2.306.691.332đ và toàn bộ chi phí tố tụng theo thực tế chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và thi hành án.

Đại diện Công ty Q thừa nhận Công ty Q vay tiền của Ngân hàng BIDV. Tuy nhiên, sau khi làm việc hai bên đã thống nhất công ty Quang Vinh trả 3.050.000.000đ và Ngân hàng cho rút toàn bộ tài sản đảm bảo ra, thì đương nhiên Công ty Q đã thực hiện xong nghĩa vụ. Công ty Q không đồng ý việc ngân hàng yêu cầu Công ty Q phải thanh toán tiền lãi, phí phạt và các chi phí tố tụng thực tế phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án và thi hành án. Số tiền 3.050.000.000 đồng là Công ty Q trả vào món nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 04/2018/2335063/HĐTD ngày 04/12/2018, nên Ngân hàng mới cho rút tài sản đảm bảo về, coi như đã tắt toán xong hợp đồng này. Chứ không liên quan gì đến món nợ 12.385.000.000đ của hợp đồng khác. Vì vậy, các đương sự không thống nhất giải quyết vụ án được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ngân hàng BIDV cung cấp cho Hội đồng xét xử giấy xác nhận dư nợ gốc, lãi của Công ty Q.

Đại diện của Ngân hàng BIDV công nhận ngày 12/4/2023 Công ty Q đã trả cho Ngân hàng số tiền 3.050.000.000đ tiền gốc và lãi và Ngân hàng đã trả toàn bộ tài sản thế chấp cho Công ty Q (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số CM 876947 do UBND thị xã Bim Sơn cấp ngày 23/01/2019, Giấy chứng nhận xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu CHENGLONG số 009084 do CA Thanh Hóa cấp ngày 27/03/2015, BKS 36C- 056.48; Chứng nhận đăng ký xe ô tô con hiệu Mazda số 045687 do CA Thanh Hóa cấp ngày 11/11/2017, BKS 36A – 285.31). Nay, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Q phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi còn lại tính đến ngày 12/4/2023 là: 1.821.691.332 đồng (trong đó dư nợ gốc: 0 đồng, dư nợ lãi trong hạn 1.094.124.955 đồng, dư nợ lãi quá hạn: 727.566.377 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng BIDV đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.050.000.000đ và rút toàn bộ tài sản thế chấp của Công ty Q gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 876947 do UBND thị xã Bim Sơn cấp ngày 23/01/2019, Giấy chứng nhận xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu CHENGLONG số 009084 do CA Thanh Hóa cấp ngày 27/03/2015, BKS 36C – 056.48; Chứng nhận đăng ký xe ô tô con hiệu Mazda số 045687 do CA Thanh Hóa cấp ngày 11/11/2017, BKS 36A- 285.31.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Công ty Q và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập các đương sự.

- Về xác định tư cách đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lập hồ sơ, xác định đầy đủ tư cách của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại các điều 71, 72 và 73 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Đây là vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ. Vì vậy, Tòa án đã thông báo đề Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Đề nghị áp dụng: - Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 357, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo.

- Đề nghị HĐXX:

* Đề nghị HĐXX: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam đối với số tiền 3.050.000.000đ

Đình chỉ phần yêu cầu xử lý tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 876947 do UBND thị xã Bim Sơn cấp ngày 23/01/2019, Giấy chứng nhận xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG số 009084 do CA Thanh Hóa cấp ngày 27/03/2015, BKS 36C- 056.48; Chứng nhận đăng ký xe ô tô con hiệu Mazda số 045687 do CA Thanh Hóa cấp ngày 11/11/2017, BKS 36A – 285.31.

Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

Buộc Công ty Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi còn lại là: 1.821.691.332 đồng

- Trường hợp Công ty Q không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên tất cả các tài sản và nguồn thu nhập khác của công ty Q để thu hồi đầy đủ nghĩa vụ nợ vay.

+ Công ty Q phải nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.700.000đ.

+ Về án phí: phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nên đề nghị trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ngân hàng BIDV đề nghị Tòa án buộc công ty Q phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến thời điểm hết ngày 11/01/2023 là: 5.032.995.379 đồng, đến ngày 12/4/2023 công ty Q trả 3.0350.000đ. Số tiền lãi còn lại công ty Q phải trả cho Ngân hàng là: 1.821.691.332 đồng. Đây là quan hệ pháp luật “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thị xã Bim Sơn. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn.

[2] **Xét về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] Về số nợ gốc: Xét công ty Q đang có quan hệ tín dụng với BIDV B thông qua Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2018/2335063/HĐTD ngày 04/12/2018 (“HĐTD hạn mức”), cụ thể: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2018/2335063/HĐTD ngày 04/12/2018, số tiền cho vay tối đa: 20.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng). Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, từ ngày 04/12/2018 đến ngày 04/12/2019; Mục đích vay vốn: Bỏ

sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Lãi suất vay: Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, bảo lãnh, L/C được phát hành; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Hình thức trả gốc, lãi: Gốc được trả một lần vào cuối kỳ theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi vay trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Tổng dư nợ có tài sản bảo đảm của công ty Q đến thời điểm hết ngày 11/01/2023 là: 5.032.995.379 đồng, cụ thể như sau: Dư nợ gốc: 2.565.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.694.519.287 đồng; nợ quá hạn: 773.476.092 đồng. Tổng cộng dư nợ 5.032.995.379 đồng. Đến nay hai bên công nhận công ty Q đã trả hết khoản nợ gốc cho ngân hàng là 2.565.000.000đ và Ngân hàng đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc 2.565.000.000đ nên HĐXX miễn xét.

[2.2] Về số tiền lãi: công ty Q đã trả cho ngân hàng 3.050.000.000đ (trừ đi số tiền nợ gốc 2.560.000.000đ) còn lại số tiền 485.000.000đ trừ vào tiền lãi của hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án đại diện ngân hàng cho rằng số tiền còn lại 485.000.000đ trả vào số dư nợ 12.385.000.000đ theo bản án số:77/2021/HSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T. Đại diện công ty Q không đồng ý mà đề nghị số tiền 3.050.000.000đ công ty Q trả vào món nợ gốc và lãi mà Tòa án đang giải quyết theo hồ sơ thụ lý số:02/2023/TLST-KDTM ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B. Tuy nhiên, vì Ngân hàng đã cho công ty Q rút toàn bộ tài sản thế chấp ra thì công ty Q đã thực hiện xong nghĩa vụ với ngân hàng nên Công ty Q không đồng ý trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho ngân hàng BIDV nữa.

Tại phiên tòa đại diện ngân hàng BIDV đồng ý số tiền 3.050.000.000đ công ty Q trả vào nợ gốc 2.565.000.000đ và Ngân hàng BIDV không yêu cầu trừ số tiền 485.000.000đ trả vào số dư nợ 12.385.000.000đ theo bản án số:77/2021/HSST ngày 28/4/2021 mà trừ số tiền 485.000.000đ vào nợ lãi của vụ án mà Tòa án thụ lý số 02/2023/TLST-KDTM ngày 13/02/2023. Nên số nợ lãi còn lại sau khi trừ đi số tiền 485.000.000 đồng thì Công ty Q còn phải trả cho Ngân hàng BIDV là: 1.821.691.332 đồng.

Công ty Q cho rằng đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với ngân hàng nên Công ty Q không còn nợ của Ngân hàng BIDV. HĐXX thấy, giữa Ngân hàng và công ty Q thỏa thuận trả tiền và rút toàn bộ tài sản thế chấp là sự tự nguyện của các đương sự. Tuy nhiên, đại diện công ty Q cho rằng đại diện ngân hàng BIDV nói nếu công ty Q trả số tiền 3.050.000.000đ thì Ngân hàng cho rút hết tài sản thế chấp và xóa hết nợ (gốc và lãi), tuy nhiên công ty Q không chứng minh được lời nói trên nên không có căn cứ chấp nhận. Số nợ lãi còn lại 1.821.691.332 đồng công ty Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số:04/2018/2335063/HĐTD ngày 04/12/2018 mà hai bên đã ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 876947 do UBND thị xã B cấp ngày 23/01/2019, Giấy chứng nhận xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu CHENGLONG số 009084 do CA Thanh

Hóa cấp ngày 27/03/2015, BKS 36C – 056.48; Chứng nhận đăng ký xe ô tô con hiệu Mazda số 045687 do CA Thanh Hóa cấp ngày 11/11/2017, BKS 36A-285.31. Những tài sản thế chấp nêu trên ngân hàng đã rút toàn bộ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Việc ngân hàng BIDV rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.050.000.000đ và toàn bộ tài sản thế chấp là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam: Buộc công ty Q phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi còn lại là: 1.821.691.332 đồng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án ngân hàng BIDV yêu cầu số tiền công ty Q trả cho Ngân hàng BIDV 3.050.000.000đ trừ nợ gốc 2.565.000.000đ còn lại 485.000.000 đồng Ngân hàng đề nghị Tòa án trừ vào số tiền 12.385.000.000 đồng theo bản án số: 77/2021/HSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T mà công ty Q có nghĩa vụ trả cho ngân hàng. Tuy nhiên, tại phiên tòa Ngân hàng không đề nghị giải quyết yêu cầu này nên HĐXX miễn xét.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng BIDV đề nghị công ty Q phải trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự buộc công ty Q phải trả lại cho Ngân hàng BIDV số tiền chi phí thẩm định tại chỗ là 3.700.000 đồng.

[6] Về án phí: công ty Q phải chịu án phí KDTM đối với khoản tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng không phải chịu án phí KDTM và trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: - Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 155, Điều 156, 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ

- Số tiền 3.050.000.000 đồng (ba tỷ, không trăm, năm mươi triệu đồng).

- Những tài sản thế chấp gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 876947 do UBND thị xã Bim Sơn cấp ngày 23/01/2019

+ Giấy chứng nhận xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHENGLONG số 009084 do CA Thanh Hóa cấp ngày 27/03/2015, BKS 36C-056.48;

+ Chứng nhận đăng ký xe ô tô con hiệu Mazda số 045687 do CA Thanh Hóa cấp ngày 11/11/2017, BKS 36A- 285.31.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Buộc công ty Q phải thanh toán (trả nợ) cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi còn lại là: 1.821.691.332 đồng (Một tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, sáu trăm, chín mươi một nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Đ có đơn đề nghị Thi hành án, nếu Công ty TNHH Q không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng Công ty TNHH Q phải chịu thêm khoản lãi suất do Ngân hàng quy định tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chưa thi hành án(Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự).

Nếu Công ty TNHH Q không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu Chi cục Thi hành án kê biên các tài sản khác và nguồn thu nhập khác của Công ty TNHH Q để thu hồi đầy đủ nghĩa vụ nợ vay theo quy định của pháp luật.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty TNHH Q phải chịu án phí KDTM có giá ngạch là 66.650.739đ (sáu mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, bảy trăm, ba mươi chín đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ(đại diện là Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.516.000 đ (năm mươi sáu triệu, năm trăm, mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0005338 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh T.

Công ty TNHH Q thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.700.000đ (ba triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- *Đương sự;*
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- THA Dân sự thị xã Bỉm Sơn;
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ